

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01 /2017/BCTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Thành là Công ty TNHH Công nghệ Việt Thành, được thành lập vào năm 2002. Công ty đã đạt được nhiều thành quả trong quá trình kinh doanh dịch vụ truyền hình cáp. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tại hai thị trường chính là TP. Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

Để đáp ứng cho nhu cầu phát triển, Công ty đã chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần vào tháng 4 năm 2013.

Ngày 3 tháng 6 năm 2013, UBCK Nhà Nước đã có văn bản số 2212/UBCK-QLPH chấp thuận cho Công ty CP Công Nghệ Việt Thành là công ty CP đại chúng. Công ty đã được cấp mã chứng khoán VTT theo nội dung giấy chứng nhận số 27/2013/GCNCP-VSD của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)

Năm 2013/2014: Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam (VTVcab) và Viet Thanh Cable Investment trở thành cổ đông lớn tại VITA. Trong suốt 04 năm gần đây, VITA luôn duy trì là doanh nghiệp có doanh thu và lợi nhuận ổn định, liên tục lọt vào Top 1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất tại Việt Nam.

Ngày 11/01/2017: Cục Viễn Thông đã cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng số 05/GP-CVT cho Công ty CP Công nghệ Việt Thành.

a. Thông tin chung:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH
- Tên tiếng Anh: VIET THANH TECHNOLOGY CORPORATION.
- Tên giao dịch viết tắt: VITA CORP.
- Địa chỉ giao dịch: Tầng trệt tòa nhà Indochina, số 4 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (08) 39110022
- Fax: (08) 39117225
- E-mail: info@cablenet.vn
- Website: www.cablenet.vn
- Vốn điều lệ: **105.000.000.000 đồng.**
- Mã cổ phiếu: VTT
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Thiết lập hạ tầng viễn thông, hoạt động viễn thông có dây, dịch vụ truyền hình cáp và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

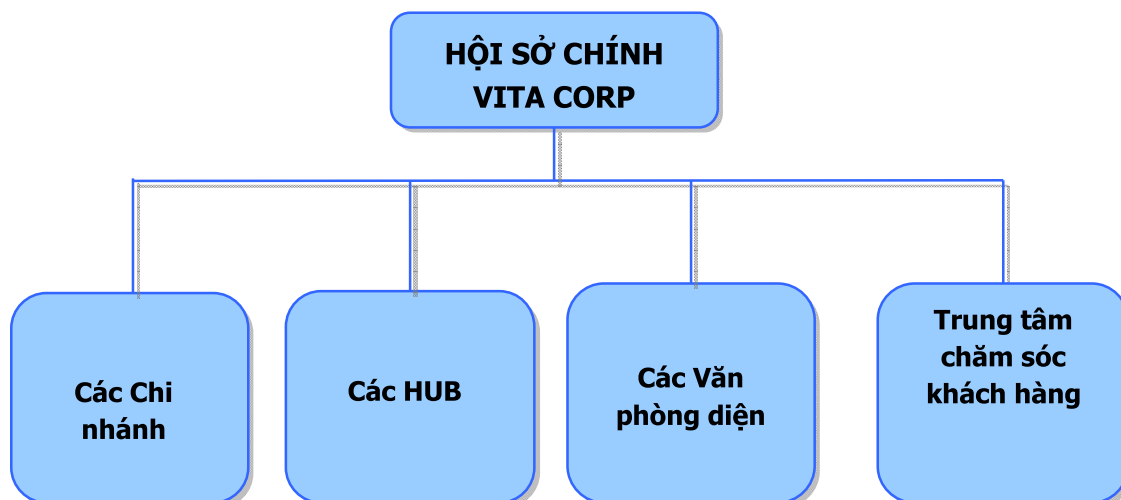
b. Quá trình phát triển kinh doanh:

Thời gian	Chi tiết hoạt động
Năm 2002	Thành lập Công ty TNHH Công Nghệ Việt Thành
Năm 2004	Ký hợp đồng hợp tác với HTV tại địa bàn TP.HCM
Năm 2007	Ký hợp đồng hợp tác với HTV tại địa bàn Đồng Nai
Năm 2009	Triển khai dịch vụ cable internet trên mạng cáp TP.HCM
Năm 2011	Triển khai dịch vụ cable internet trên mạng cáp Đồng Nai
Năm 2012	Đạt cột mốc 250,000 thuê bao
Năm 2013	Trở thành Công ty đại chúng, đón nhận nhà đầu tư VTV cab
Năm 2014	Đón nhận nhà đầu tư nước ngoài
Năm 2016	Năm thứ tư liên tiếp vào Top 1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam
Năm 2015-2016	Triển khai hợp tác với VTVcab tại Đồng Nai. Cung cấp gói dịch vụ Combo (Truyền hình cáp, HDTV, internet, VOD)
11/01/2017	Cục Viễn Thông cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng số 05/GP-CVT

2. Cơ cấu tổ chức công ty và cơ cấu bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty được thể hiện như hình dưới đây:

Sơ đồ cơ cấu tổ chức



Các Chi nhánh:

- ✓ Tại 159 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai.
- ✓ Tại 35, Khu phố 4 Hoàng Quốc Việt, Phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Các HUB:

Hệ thống hạ tầng mạng truyền dẫn hiện có 06 HUB đặt tại các địa chỉ sau:

- ✓ Tầng trệt tòa nhà Indochina số 4 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Quận 1, TP. HCM;
- ✓ Lầu 6, nhà số 255-257 Nguyễn Tri Phương, P.5 Quận 10;
- ✓ 60 đường 817A Tạ Quang Bửu, P.5, Quận 8;
- ✓ F2/29T Liên ấp 62, ấp 6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Tp.HCM;
- ✓ KDC An Phú Tây, huyện Bình Chánh, TP.HCM
- ✓ Đài Phát Thanh Truyền Hình Đồng Nai;

Các Văn phòng đại diện:

- ✓ Tầng trệt tòa nhà Indochina số 4 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q1;
- ✓ 46 đường số 65 KĐC Tân Quy Đông, Phường Tân Quy, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.
- ✓ 903B Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận 8, TP. HCM.

- ✓ F2/29T Liên ấp 6- 2, ấp 6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Tp.HCM.
- ✓ 255-257 Nguyễn Tri Phương, Phường 5, Quận 10, TP. HCM.

Trung tâm chăm sóc khách hàng:

- ✓ Tại tầng trệt tòa nhà Indochina, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q1, TPHCM

Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi và hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch kinh doanh, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Hiện tại Hội đồng quản trị của Công ty có 06 thành viên, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm.

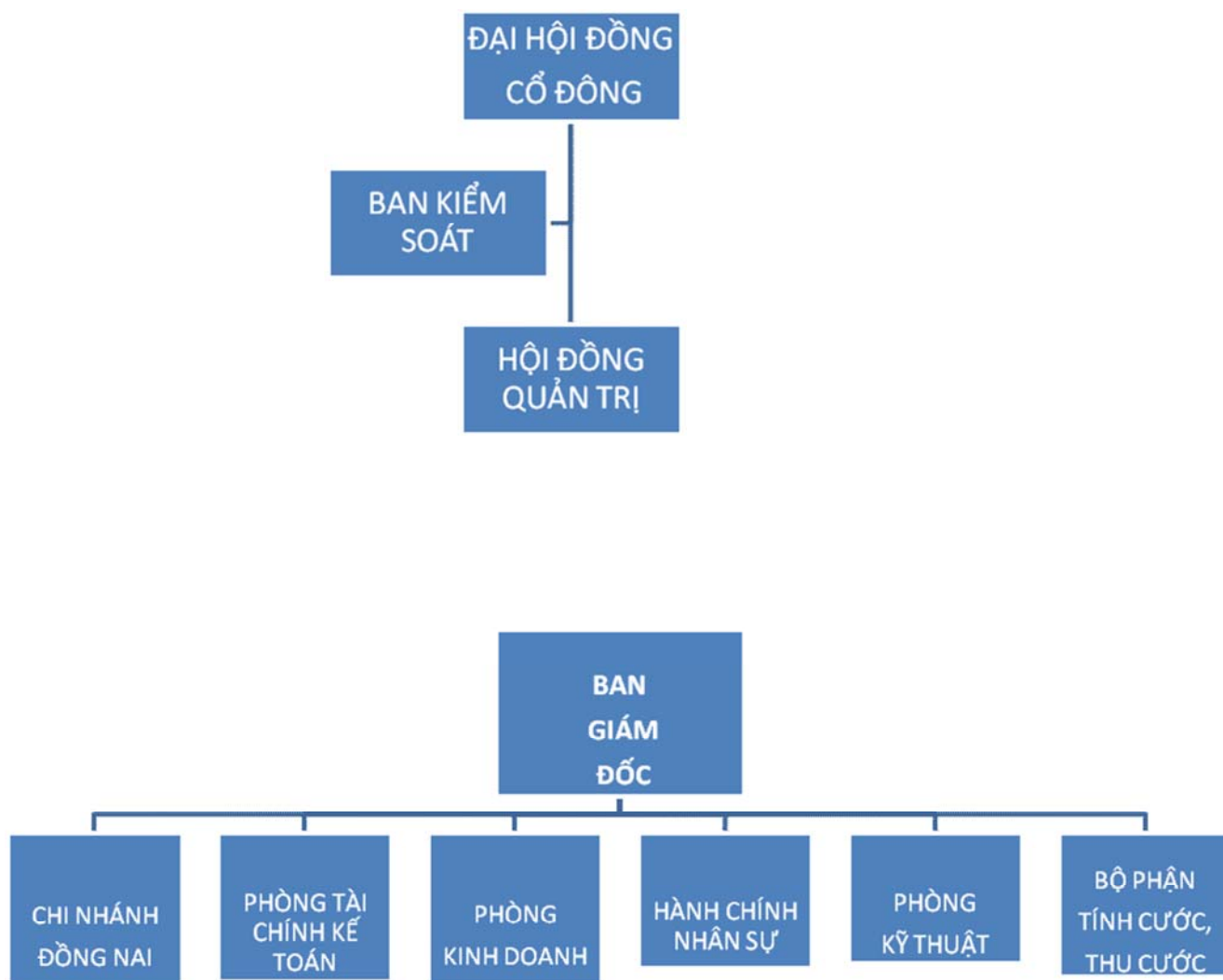
Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hiện tại Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý báo cáo tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm cao nhất trước Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, pháp luật về toàn bộ việc tổ chức kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty, nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác. Giúp việc cho Giám đốc có các Phó Giám đốc và các phòng, ban trực thuộc.

Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý



3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Dưới đây là một số chỉ tiêu chính về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015 và 2016.

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Tăng/giảm	Năm 2015	Năm 2016
Tổng tài sản	+ 10.06 %	246,679	271,496
Doanh thu thuần	- 16.33 %	191,173	159,960
Lợi nhuận trước thuế	- 37.58 %	119,541	74,613

4. Chính sách cổ tức

Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức lợi tức hợp lý.

Đại hội cổ đông thường niên sẽ xem xét, quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu của Hội đồng quản trị

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Ghi chú
1. Ông Hoàng Ngọc Huấn	Chủ Tịch HĐQT	1973	TGD VTV Cab
2. Ông Phạm Công Tú	Thành viên HĐQT	1956	
3. Ông Tomohiro Fujita	Thành viên HĐQT	1966	
4. Ông Nguyễn Văn Ninh	Thành viên HĐQT	1965	P.TGD VTV cab
5. Ông Phạm Tiến Hiệp	Thành viên HĐQT	1973	TGD Công ty
6. Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương	Thành viên HĐQT	1978	GD. Marketing VTV Cab

Tóm tắt lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Hoàng Ngọc Huấn- Chủ Tịch HĐQT

- Năm sinh : 1973
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ
- Quá trình công tác:

- √06/1998-09/2000: Công ty TNHH Đông Dương
- √10/2000-06/2001: Cty TNHH IC Việt Nam
- √07/2001-12/2003: Công ty TNHH Dược phẩm Á Đông
- √05/2004- nay : Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Công Tú - Thành Viên HĐQT

- Năm sinh : 1956
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- Quá trình công tác:
 - √1982-1990: nhà máy điện tử Tesla, Cộng Hòa Séc.
 - √1990-hiện nay: chủ tịch Công ty Pama spol sr.o, Cộng Hòa Séc
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Tomohiro Fujita –Thành viên HĐQT

- Năm sinh : 1966
- Quốc tịch : Nhật Bản
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công trình, tốt nghiệp năm 1989
- Quá trình công tác: 26 năm
- Chức vụ hiện tại: Giám đốc quản trị các dự án đầu tư tại ACA Investment Pte Ltd (Singapore)
- Từ ngày 17/3/2014: Thành viên HĐQT Công ty CP Công nghệ Việt Thành

Ông Nguyễn Văn Ninh- Thành viên HĐQT

- Năm sinh : 1968
- Trình độ chuyên môn: Đại Học
- Quá trình công tác:
 - √1992 đến 3/1998: Công tác tại Đài PTTH tỉnh Ninh Bình- Trưởng phòng quản lý cơ sở
 - √1998 đến 2004: Công tác tại Đài Truyền hình Việt Nam
 - √2004 đến nay: Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Tiến Hiệp - Thành Viên HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty

- Năm sinh : 1973
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh (MBA).
- Quá trình công tác:
 - √ Từ năm 1996-2000: Công ty TNHH Quốc Minh (Hà Nội)
 - √ Từ năm 2001-2002: VPĐD Công ty Pama Spol sr.o (Cộng Hòa Séc) tại Việt Nam.
 - √ Năm 2002: đồng sáng lập Công ty TNHH Công Nghệ Việt Thành.
 - √ Từ năm 2003-2005: Phó Giám Đốc Công ty .
 - √ Từ năm 2006 tới nay đảm nhiệm chức vụ Giám Đốc Công ty.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám Đốc Công ty.

Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương- Thành Viên HĐQT

- Năm sinh : 1976
- Trình độ chuyên môn: Đại Học
- Quá trình công tác:
 - √ 1998-2001: Công ty Đầu tư – Thương mại và Dịch vụ Thăng Lợi
 - √ 2001 đến nay: Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Ban kiểm soát

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát gồm có:

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Nghề nghiệp
1. Ông Phạm Xuân Dương	Trưởng ban	1976	Kế toán-TC
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	1976	Kiểm toán
3. Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên	1981	Luật sư

3. Ban giám đốc

Danh sách Ban Giám đốc của Công ty hiện tại gồm có:

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Nghề nghiệp
1. Ông Phạm Tiến Hiệp	Giám đốc	1973	Quản trị kinh doanh
2. Ông Nguyễn Thái Sơn	Phó Giám đốc	1981	Kỹ sư viễn thông
3. Bà Lê Hồng Chi	Kế toán trưởng	1975	TCKT

4. Chính sách đối với người lao động

a. Số người lao động trong Công ty

Tổng số lao động trong Công ty tính đến 31/12/2016 là 313 người, với cơ cấu như sau:

Yếu tố	Số lượng	Tỷ lệ
Phân theo trình độ lao động	313	100%
Thạc sỹ, đại học	59	18,8%
Cao đẳng, trung cấp	134	42,8%
Lao động phổ thông	120	38,4%
Phân theo đối tượng lao động	313	100%
Cán bộ quản lý	12	3,8%
Nhân viên gián tiếp	47	15,0%
Nhân viên trực tiếp	254	81,2%

b. Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

Đối với cán bộ công nhân viên làm việc gián tiếp Công ty trả lương theo thời gian. Đối với cán bộ công nhân viên làm việc trực tiếp Công ty trả lương theo sản phẩm. Nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên nỗ lực nâng cao năng suất lao động, Công ty xem xét và tăng lương cho cán bộ, nhân viên theo vị trí công việc và mức độ hoàn thành công việc.

Mức thu nhập của các bộ phận, nhân viên được nâng cao đáng kể từ chế độ khen thưởng, bao gồm các hình thức: lương tháng 13, thưởng theo thành tích của Công ty dựa trên kết quả hoạt động hàng năm.

Việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và các chế độ phúc lợi khác được thực hiện theo quy định của pháp luật. Thu nhập bình quân của người lao động trong công ty năm 2016 là 7,63 triệu đồng/người/tháng, tăng 5,08 % so với năm 2015.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

Tổng số cổ phần của Công ty: 10.500.000 CP mệnh giá 10.000 đồng, trong đó:

Cổ phần phổ thông: 10.500.000 CP

Cổ phần ưu đãi: *(không có)*

Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: *(không có)*

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 10.500.000 CP

Cổ phiếu quỹ: *(không có)*

b. Cơ cấu cổ đông Công ty

Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 11/4/2017 (theo văn bản số 397/2017-VTT/VSD-ĐK ngày 3/4/2017) của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền bỏ phiếu tại đại hội thường niên như sau:

ST T	Nội dung	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
A	Vốn cổ phần	10.500.000	100%	144	2	142
1.	Cổ đông sáng lập	0	0	0	0	0
2.	Cổ đông lớn nắm giữ trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	10,304,400	98,14%	5	2	3
3	Khác	195,600	1,86%	139	0	139

B Phân theo quốc tịch						
1	Cổ đông trong nước	7,888,100	75.12%	142	1	141
2	Cổ đông nước ngoài	2,611,900	24.88%	2	1	1
C Phân theo đối tượng sở hữu						
1	Cổ đông sở hữu nhà nước	5,355,000	51%	1	1	0
2	Cổ đông sở hữu tư nhân	5,145,000	49%	143	1	142

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Tăng vốn điều lệ từ 42,000,000,000 đồng lên 105,000,000,000 đồng.

(Do phát hành thêm cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu).

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch	Kế hoạch theo NQ ĐHCĐ	Thực hiện năm 2016
Doanh thu thuần	- 16 %	190,000	159,960
Lợi nhuận trước thuế	- 21 %	95,000	74,613

Trong đó kết quả kinh doanh năm 2016 như sau:

CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	159,960,864,206
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	74,613,423,639
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	14,922,684,728
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59,690,738,911

2. Những điểm nổi bật trong hoạt động kinh doanh

Năm 2016 tình hình thị trường truyền hình cáp tại TPHCM và Đồng Nai tiếp tục giai đoạn khó khăn để duy trì số thuê bao analog. Việc phải cạnh tranh trực tiếp với quá nhiều nhà cung cấp dịch vụ như SCTV, Viettel, FPT, Mobile TV... đã làm ảnh hưởng lớn đến tình hình thuê bao và doanh thu từ dịch vụ truyền hình cáp của Công ty. Ngoài việc giảm sút số thuê bao analog, tại khu vực TPHCM trong năm 2016, TMS đã thực hiện nhiều chương trình khuyến mãi tháng cước để giữ thuê bao dẫn tới ARPU bình quân trên 1 thuê bao giảm so với năm 2015. Trong năm 2016 và quý I/2017, Công ty đã tập trung vào công tác đầu tư nâng cấp mạng cáp tại TPHCM / Đồng Nai để nâng cao chất lượng dịch vụ và triển khai các chương trình chống cạnh tranh trên địa bàn.

Tại TPHCM, công ty đã đầu tư nâng cấp mạng cáp ở hầu hết các quận huyện đang cung cấp gói dịch vụ HTVC. Bên cạnh đó đã mở rộng mạng cáp để cung cấp thêm gói dịch vụ VTVcab tại một số quận huyện của TPHCM trong năm 2016. Hoạt động chăm sóc khách hàng đã được cải thiện rõ rệt, thông qua các chỉ tiêu về số lượng cuộc gọi phản ánh về chất lượng tín hiệu, về thái độ phục vụ của nhân viên bảo trì đã giảm nhiều so với năm 2014-2015. Trên 95% số yêu cầu bảo trì được xử lý trong thời gian 2-3 tiếng kể từ khi phát sinh cuộc gọi, và trên 98% yêu cầu bảo trì được thực hiện trong ngày.

Khu vực Đồng Nai: từ quý IV/2015 đã triển khai hợp tác với VTVcab theo nguyên tắc khoán kết quả hoạt động SXKD: VTVcab điều hành dự án và đứng tên hợp đồng dịch vụ thuê bao.. Tại địa bàn Đồng Nai, VITA đã thực hiện đầu tư nâng cấp hạ tầng mạng, đầu tư bổ sung thiết bị CMTS từ tháng 9/2016 và trang bị đầu thu HDTV để cung cấp gói dịch vụ combo. Qua đó đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng của thuê bao trên địa bàn, tăng doanh thu dịch vụ cable internet và HDTV cho địa bàn Đồng Nai và phát triển thị trường theo đúng xu hướng hội tụ công nghệ.

Về chỉ tiêu doanh thu năm 2016 giảm so với 2015 do các nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Do thực hiện các chương trình chống cạnh tranh nên áp dụng một số hình thức giảm phí thu hàng tháng của các gói dịch vụ, ưu đãi giảm cước cho các thuê bao đóng trước phí dịch vụ.
- Do một lượng thuê bao analog đã chuyển dịch vụ sang các nhà mạng khác
- Khu vực Đồng Nai thay đổi cơ chế hợp tác từ quý IV năm 2015, theo đó chỉ ghi nhận doanh thu VITA là phần được phân chia từ hoạt động hợp tác.
- Khu vực TPHCM: công ty chưa triển khai được công tác bán hàng có hiệu quả. Số thuê bao tăng trưởng thấp và không bù đắp được số thuê bao analog rời mạng.

Lợi nhuận 2016 giảm so với kế hoạch đề ra tại Đại hội cổ đông thường niên chủ yếu do các nguyên nhân doanh thu cung cấp dịch vụ giảm do thuê bao analog rời mạng, doanh thu hoạt động tài chính giảm do rút tiền gửi ngân hàng chi trả đầu tư nâng cấp mạng cáp và do chi phí khấu hao TSCĐ tăng đáng kể so với 2015.

Về hồ sơ xin cấp phép thiết lập mạng viễn thông cố định của Công ty: ngày 11/1/2017 Cục Viễn Thông- Bộ TT&TT đã cấp giấy phép số 05/GP-CVT cho Công ty triển khai thiết lập mạng viễn thông công cộng mặt đất, không sử dụng băng tần số vô tuyến điện tại các địa bàn TPHCM và Đồng Nai. Thời hạn hoạt động của giấy phép là 15 năm kể từ ngày cấp

3. Kế hoạch kinh doanh năm 2017

Năm 2017 đặt mục tiêu doanh thu tăng 11% so với 2016, lợi nhuận giảm 6% so với 2016.

1. Địa bàn Hồ Chí Minh:

- Tập trung phát triển dịch vụ số và các dịch vụ gia tăng để bù đắp doanh số bị giảm do mất thuê bao analog.
- Tối ưu lợi thế về mặt giấy phép hạ tầng để cung cấp bổ sung, đa dạng hóa các gói dịch vụ, tăng nguồn thu cho Công ty. Hiện nay VITA đã có giấy phép thiết lập mạng và cùng với chủ trương số hóa của Chính phủ: cần thiết phải mở rộng mạng cáp, bổ sung thêm các gói dịch vụ số vào hạ tầng mạng cáp hiện hữu. Tập trung phát triển thuê bao mới tại các quận, huyện đã mở rộng mạng vào năm 2016 để thu hồi vốn đã đầu tư.
- Trong tương lai, khi số lượng kênh analog trên mạng cáp ngày càng giảm theo lộ trình số hóa của chính phủ : VITA trở thành doanh nghiệp có hạ tầng đủ năng lực cung cấp 2-3 gói dịch vụ số của nhiều cable operator khác nhau (có thể trong và ngoài nước), đảm bảo tăng trưởng nguồn doanh thu cho Công ty lâu dài.

2. Địa bàn Đồng Nai :

Từ quý IV năm 2015 đã thực hiện khoán lợi nhuận cho VITVcab điều hành dự án. Chiến lược cho Đồng Nai là tiếp tục tăng trưởng thuê bao internet để bù đắp cho số thuê bao analog rời mạng thời gian qua.

Lợi nhuận giảm do chi phí khấu hao TSCĐ là mạng cáp mới đầu tư nâng cấp sẽ gia tăng đáng kể trong năm 2017. Ngoài ra việc phát triển thuê bao số kèm theo chi phí đầu tư STB cho thuê bao và chi phí kinh doanh tiếp thị cũng tăng làm tổng lợi nhuận có thể giảm nhẹ so với năm 2016.

Mục tiêu định hướng kinh doanh cho năm 2017:

- Hoàn thiện 100% công tác cải tạo mạng cáp, nâng cao chất lượng dịch vụ. Tiếp tục duy trì chất lượng công tác chăm sóc khách hàng ở mức độ cao nhất.
- Triển khai mạnh mẽ các gói dịch vụ combo, cung cấp tới khách hàng thuê bao để tăng doanh thu và giữ khách hàng lâu dài.
- Phối hợp chặt chẽ và liên tục với VTV cab / HTVC-TMS triển khai các chương trình chống cạnh tranh hiệu quả.
- Thu nhập của người lao động tăng 5-10% so với năm 2016
- Cổ tức chi trả ngang bằng với năm 2016
- Triển khai đầu tư mở rộng mạng cáp, mở rộng phạm vi kinh doanh phù hợp với giấy phép thiết lập hạ tầng viễn thông đã được cấp.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

Năm 2016 là năm tình hình thị trường truyền hình trả tiền tại TP.HCM đang ở trong giai đoạn rất khó khăn đối với các đơn vị kinh doanh dịch vụ truyền hình cáp nói chung do phải cạnh tranh khốc liệt với nhiều nhà mạng viễn thông cung cấp dịch vụ IPTV khác; và với riêng các đơn vị kinh doanh dịch vụ HTVC thì đặc biệt khó khăn hơn do sự thiếu đầu tư về chất lượng nội dung chương trình. Do đó đã tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty, làm cho các chỉ tiêu về doanh thu/ lợi nhuận đề ra tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2016 đều không thực hiện được. Cụ thể:

- Đạt 84% kế hoạch về doanh thu và 80% kế hoạch về lợi nhuận so với nghị quyết đại hội cổ đông thường niên 2016.
- Chấp hành đầy đủ nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước với tổng số thuế đã nộp là trên 20 tỷ đồng.
- Tăng tiền lương bình quân cho người lao động trên 5% so với 2015.

Năm 2016, tại địa bàn TP.HCM còn tồn tại một số vấn đề sau:

- Số thuê bao analog rời mạng nhiều do tình hình cạnh tranh của nhiều nhà mạng với nhiều loại hình dịch vụ video. ARPU bình quân trên 1 thuê bao dịch vụ analog giảm do các chính sách khuyến mãi tặng tháng cho thuê bao đóng cước dài hạn. Các gói dịch vụ hạn chế về chất lượng nội dung chương trình. Công ty và TMS chưa có chính sách trang bị miễn phí STB HDTV cho thuê bao analog, chất lượng các gói dịch vụ băng thông chưa tốt, kém cạnh tranh trên thị trường.
- Hiệu quả một số mặt hoạt động như công tác thu cước, công tác triển khai kinh doanh tiếp thị phát triển thuê bao mới và chống cạnh tranh chưa cao.

- Công ty chưa triển khai được hoạt động kinh doanh phát triển thuê bao mới một cách hiệu quả. Nhân sự điều hành hoạt động kinh doanh và đội ngũ bán hàng trực tiếp còn hạn chế

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám Đốc Công ty

Hoạt động điều hành của Ban Giám Đốc đã đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ của Công ty và định hướng của HĐQT.

Chưa hoàn thành kế hoạch kinh doanh tại Nghị quyết Đại hội cổ đông đã giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Trong thời gian sắp tới, Công ty sẽ phát triển theo các định hướng sau đây:

- Tiếp tục thực hiện đầu tư có hiệu quả việc mở rộng mạng cáp và phát triển thuê bao số theo nội dung giấy phép thiết lập mạng đã được cấp.
- Triển khai cung cấp các gói dịch vụ combo và dịch vụ phụ trội trên toàn hệ thống mạng cáp (sau khi nâng cấp đã đạt chuẩn HFC 250/500) với chất lượng tốt và giá cạnh tranh, nâng cao ARPU trên thuê bao và tăng nguồn doanh thu cho Công ty.
- Yêu cầu triển khai bộ máy nhân sự kinh doanh đáp ứng yêu cầu phát triển thuê bao mới và chống cạnh tranh trên toàn địa bàn.
- Tiếp tục triển khai quy trình làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả. Khoán quỹ lương theo doanh thu để khuyến khích và thúc đẩy người lao động tăng hiệu suất làm việc, tăng thu nhập và gắn bó lâu dài với Công ty.

V. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông!

-Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

-Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công nghệ Việt Thành;

-Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công nghệ Việt Thành;

-Căn cứ vào kết quả hoạt động và Báo cáo tài chính kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 Công ty cổ phần Công nghệ Việt Thành do Ban Giám đốc lập;

-Căn cứ báo cáo Kiểm toán kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 Công ty cổ phần Công nghệ Việt Thành được cung cấp bởi Công ty PWC;

-Căn cứ kết quả thẩm định báo cáo Tài chính do Ban kiểm soát thực hiện.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công nghệ Việt Thành xin được báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của BKS năm 2016 và phương hướng kế hoạch công tác năm 2017 như sau:

Phần I: Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của BKS năm 2016.

1.Hoạt động của BKS.

BKS Công ty cổ phần Công nghệ Việt Thành có 03 thành viên hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, trong đó Ông Phạm Xuân Dương là Trưởng ban, bà Nguyễn Thị Thanh Thủy và bà Trần Như Quỳnh là thành viên. Năm qua BKS thực hiện chức năng của mình thông qua các hoạt động sau đây:

+Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty cổ phần Công nghệ Việt Thành trong việc quản trị, điều hành Công ty.

-Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của HĐQT và Ban điều hành.

-Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, kiểm tra công tác quản trị điều hành của Công ty.

-Tham mưu tư vấn cho HĐQT, Ban Giám đốc trong việc hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản phù hợp với quy định của Pháp luật nhằm nâng cao chất lượng công tác quản trị điều hành.

+Tham mưu tư vấn cho HĐQT, Ban Giám đốc Ban hành các quy định nội bộ, xây dựng các quy trình hoạt động kinh doanh để nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty như: Xây dựng cơ chế khoán tại Chi nhánh Quận 8; tham gia góp ý hiệu quả các dự án đầu tư, các hợp đồng hợp tác kinh doanh...

+Kiểm tra giám sát tính tuân thủ các quy trình, quy chế tại hầu hết các Phòng ban và Chi nhánh trực thuộc Công ty.

+BKS đã thẩm định và xác nhận số liệu của Báo cáo tài chính Công ty cổ phần kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/12/2016.

Qua kết quả hoạt động kiểm tra, kiểm soát đã kịp thời phát hiện các tồn tại trong các mặt hoạt động của Công ty để đề xuất, kiến nghị Ban điều hành chấn chỉnh, khắc phục nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động, góp phần vào kết quả chung của Công ty.

2.Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý.

-Trong quá trình hoạt động thực hiện nhiệm vụ, Ban Giám đốc có sự phân công công việc cụ thể, chi tiết cho từng thành viên.

-Việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tiến hành đúng thủ tục, trình tự, quy định của Pháp luật, quy chế hoạt động của HĐQT và Điều lệ Công ty.

-HĐQT thường xuyên giám sát và chỉ đạo Ban Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết và kế hoạch đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua.

-Ban Giám đốc bám sát để triển khai theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để thực hiện các chỉ tiêu năm 2016. Các quyết định của Ban Giám đốc ban hành theo đúng thẩm quyền.

3.Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Công nghệ Việt Thành (BCTC) kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

3.1 Các căn cứ dữ liệu để thẩm định:

+ BCTC kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 do Ban Giám đốc lập theo các mẫu biểu do Bộ Tài chính ban hành, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Các thuyết minh đính kèm.

+Báo cáo tài chính đã được kiểm toán kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 do Công ty kiểm toán PWC thực hiện.

+Một số tài liệu liên quan khác.

3.2 Xác nhận BCTC kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 và các chỉ tiêu hoạt động chính năm 2016 của Vita.

3.2.1 BKS xác nhận BCTC kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 của Vita được lập theo đúng các quy định và phù hợp với chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Pháp luật về Kế toán, thể hiện đúng và hợp lý tình hình tài chính của Vita, phù hợp với kết quả kiểm toán của PWC.

3.2.2 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của kỳ từ 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (DẠNG RÚT GỌN)

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2016	Ngày 01/01/2016
I	Tổng cộng tài sản	271.496.301.086	246.679.007.129
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	29.580.286.979	86.000.470.207
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	44.000.000.000	42.000.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	6.415.268.666	3.413.564.584
4	Hàng tồn kho	25.267.720.673	16.793.569.764
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.669.012.549	1.771.629.484
6	Tài sản cố định	105.255.040.339	48.255.676.468
7	Tài sản dài hạn khác	59.308.971.880	48.444.096.622
II	Tổng cộng nguồn vốn	271.496.301.086	246.679.007.129
1	Nợ ngắn hạn	49.245.497.473	49.276.594.282
2	Nợ dài hạn		
3	Vốn chủ sở hữu	222.250.803.613	197.402.412.847
	<i>Trong đó:</i>		
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	105.000.000.000	42.000.000.000
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	58.550.738.911	91.169.778.423

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	160.561.464.206
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(600.600.000)
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	159.960.864.206
4	Giá vốn hàng bán	11	(78.191.993.780)
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	81.768.870.426
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.867.646.690
7	Chi phí tài chính	22	
	Trong đó: chi phí lãi vay	23	
8	Chi phí bán hàng	24	(1.325.176.169)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(10.198.967.132)
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	74.112.373.815
11	Thu nhập khác	31	531.166.770
12	Chi phí khác	32	(30.116.946)
13	Lợi nhuận khác	40	501.049.824
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	74.613.423.639
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(14.922.684.728)
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	59.690.738.911
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	9.660

4. Phối hợp công việc giữa BKS, HĐQT và Ban Giám đốc:

-BKS giữ mối quan hệ thường xuyên với HĐQT và Ban Giám đốc Công ty; được cung cấp hồ sơ, tài liệu, các thông tin có liên quan đến chương trình làm việc.

-Công ty đã thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo quy định.

-Trong năm qua BKS không nhận được bất cứ yêu cầu nào của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

Phần II. Phương hướng, kế hoạch công tác của BKS năm 2017

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty cổ phần Công nghệ Việt Thành trong việc quản trị, điều hành Công ty.

-Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của HĐQT và Ban điều hành.

-Tham mưu tư vấn cho HĐQT, Ban Giám đốc trong việc hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản phù hợp với quy định của Pháp luật nhằm nâng cao chất lượng công tác quản trị điều hành.

2. Tham mưu cho BGD ban hành các quy định nội bộ, xây dựng các quy trình hoạt động kinh doanh để nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.

3. Định kỳ kiểm tra sổ sách, chứng từ Kế toán và các tài liệu khác của Công ty hoặc kiểm tra bất thường theo quyết định của người có thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Công ty.

4. Thẩm định Báo cáo tài chính năm, hàng quý của Công ty. Báo cáo ĐHCĐ về kết quả thẩm định BCTC, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực, mức độ cẩn trọng trong công tác Kế toán, thống kê và lập BCTC.

5. Kịp thời thông báo cho HĐQT về những vi phạm của người quản lý, điều hành.

6. Tham gia các lớp đào tạo, hội nghị, hội thảo để nâng cao trình độ chuyên môn.

7. Thực hiện công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS quy định tại Điều lệ Công ty, của Pháp luật và theo đề nghị của HĐQT, Ban Giám đốc.

Trên đây là báo cáo về việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ được giao của BKS năm 2016 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2017. BKS xin kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công nghệ Việt Thành.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc, thành công.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Quý cổ đông Vita;*
- Thành viên HĐQT;*
- Ban Giám đốc;*
- Thành viên BKS;*
- Lưu BKS, VP*

T/M BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN THỜI KỲ TỪ 1/1/2016 TỚI 31/12/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

Số 0302807495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13 tháng 12 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 12 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Ngọc Huân	Chủ tịch
Ông Phạm Công Tú	Thành viên
Ông Tomohiro Fujita	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Ninh	Thành viên
Ông Phạm Tiến Hiệp	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Phạm Xuân Dương	Trưởng ban
Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Tiến Hiệp	Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Sơn	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Phạm Tiến Hiệp	Giám đốc
--------------------	----------

Trụ sở chính

22 Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh

159 Đường Đồng Khởi, Khu phố 6, Phường Tam Hiệp
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Thành ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 30. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Tiến Hiệp
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2017



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Thành (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được Ban Giám đốc của Công ty phê duyệt vào ngày 27 tháng 3 năm 2017. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 30.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2016 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam





Hồ Ngọc Thăng
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán
2262-2013-006-001
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM5854
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2017



Trần Thị Cẩm Tú
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán
2713-2013-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		106.932.288.867	149.979.234.039
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	29.580.286.979	86.000.470.207
111	Tiền		9.325.286.979	11.159.219.642
112	Các khoản tương đương tiền		20.255.000.000	74.841.250.565
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		44.000.000.000	42.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	44.000.000.000	42.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		6.415.268.666	3.413.564.584
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	7.038.509.686	3.029.582.276
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.163.994.998	1.331.934.071
136	Phải thu ngắn hạn khác		654.157.240	1.493.441.495
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(2.441.393.258)	(2.441.393.258)
140	Hàng tồn kho		25.267.720.673	16.793.569.764
141	Hàng tồn kho	7	25.267.720.673	16.793.569.764
150	Tài sản ngắn hạn khác		1.669.012.549	1.771.629.484
152	Thuế GTGT được khấu trừ		1.669.012.549	1.771.629.484
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		164.564.012.219	96.699.773.090
210	Các khoản phải thu dài hạn		300.000.000	311.800.000
216	Phải thu dài hạn khác		300.000.000	311.800.000
220	Tài sản cố định		105.255.040.339	48.255.676.468
221	Tài sản cố định hữu hình	8	105.255.040.339	48.255.676.468
222	Nguyên giá		285.785.318.838	207.943.670.480
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(180.530.278.499)	(159.687.994.012)
227	Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		92.000.000	92.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(92.000.000)	(92.000.000)
240	Tài sản dở dang dài hạn		52.007.660.948	46.181.501.512
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	52.007.660.948	46.181.501.512
260	Tài sản dài hạn khác		7.001.310.932	1.950.795.110
261	Chi phí trả trước dài hạn	10	7.001.310.932	1.950.795.110
270	TỔNG TÀI SẢN		271.496.301.086	246.679.007.129

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		49.245.497.473	49.276.594.282
310	Nợ ngắn hạn		49.245.497.473	49.276.594.282
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	31.807.310.352	23.030.875.084
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.444.726.562	24.200.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	12	4.955.740.017	7.673.004.062
314	Phải trả người lao động		3.180.114.816	3.060.562.755
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		90.000.000	310.866.693
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	13	2.525.896.325	3.653.144.402
319	Phải trả ngắn hạn khác	14	3.585.076.877	9.565.167.086
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		656.632.524	1.958.774.200
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		222.250.803.613	197.402.412.847
410	Vốn chủ sở hữu		222.250.803.613	197.402.412.847
411	Vốn góp của chủ sở hữu	15, 16	105.000.000.000	42.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		105.000.000.000	42.000.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	16	58.700.064.702	64.232.634.424
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16	58.550.738.911	91.169.778.423
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		58.550.738.911	91.169.778.423
440	TỔNG NGUỒN VỐN		271.496.301.086	246.679.007.129



Nguyễn Thị Nguyệt
Người lập



Lê Hồng Chi
Kế toán trưởng



Phạm Tiến Hiệp
Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2016 VND	2015 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	160.561.464.206	191.173.860.196
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(600.600.000)	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	159.960.864.206	191.173.860.196
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(78.191.993.780)	(77.149.183.006)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.768.870.426	114.024.677.190
21	Doanh thu hoạt động tài chính	3.867.646.690	6.079.622.332
25	Chi phí bán hàng	(1.325.176.169)	(1.153.619.993)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(10.198.967.132)	(13.500.366.439)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	74.112.373.815	105.450.313.090
31	Thu nhập khác	531.166.770	14.090.969.508
32	Chi phí khác	(30.116.946)	-
40	Lợi nhuận khác	501.049.824	14.090.969.508
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	74.613.423.639	119.541.282.598
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(14.922.684.728)	(23.327.038.182)
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(2.972.043.989)
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59.690.738.911	93.242.200.427
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	9.660
			21.724



Nguyễn Thị Nguyệt
Người lập



Lê Hồng Chi
Kế toán trưởng



Phạm Tiến Hiệp
Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	74.613.423.639	119.541.282.598
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	8 21.413.106.454	15.689.021.248
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	21 (3.867.646.690)	(6.079.622.332)
05	Lãi do thanh lý tài sản cố định	(9.883.058)	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	92.149.000.345	129.150.681.514
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(2.887.287.147)	4.422.784.517
10	Tăng hàng tồn kho	(8.474.150.909)	(13.243.314.403)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	2.035.398.321	(13.735.936.013)
12	Tăng chi phí trả trước	(5.050.515.822)	(1.365.321.572)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12 (16.827.038.182)	(26.081.332.283)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(2.369.719.672)	(3.153.755.323)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	58.575.686.934	75.993.806.437
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(84.268.746.703)	(61.380.087.978)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	40.000.000	-
23	Tiền gửi vào tài khoản có kỳ hạn tại ngân hàng	(16.000.000.000)	(31.000.000.000)
24	Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	14.000.000.000	-
27	Thu lãi cho vay	3.867.646.690	6.079.622.332
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(82.361.100.013)	(86.300.465.646)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Chi trả cổ tức cho chủ sở hữu	17 (32.634.770.149)	(35.039.836.835)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(32.634.770.149)	(35.039.836.835)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(56.420.183.228)	(45.346.496.044)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3 86.000.470.207	131.346.966.251
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 29.580.286.979	86.000.470.207

Giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm tài chính được trình bày ở Thuyết minh 27.

Nguyễn Thị Nguyệt
Người lập

Lê Hồng Chi
Kế toán trưởng

Phạm Tiến Hiệp
Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Thành (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302807495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 12 năm 2016 nhằm mục đích thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Công ty được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp từ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn thành Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ngày 24 tháng 4 năm 2013.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động viễn thông có dây (trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (chi tiết: lắp đặt trang thiết bị, máy móc trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, truyền hình);
- Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (chi tiết: mua bán trang thiết bị, máy móc trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, truyền hình);
- Lắp đặt hệ thống điện (chi tiết: dịch vụ lắp đặt truyền hình cáp, vệ tinh);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (chi tiết: cho thuê trang thiết bị, máy móc trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, truyền hình).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 313 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 336 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.7 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.8 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị quản lý	3 năm
Tài sản cố định khác	3 năm
Phần mềm	3 năm

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này cũng như các loại tài sản cố định khác sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.12 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.13 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.14 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về khoản doanh thu tương ứng với dịch vụ sẽ được cung cấp cho khách hàng. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh: kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

2.17 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.19 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí hoa hồng, môi giới, tiếp thị và quảng cáo.

2.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ) và chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...).

2.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có thu nhập tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.23 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh/khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Tiền mặt	848.603.896	961.562.758
Tiền gửi ngân hàng	8.476.683.083	10.197.656.884
Các khoản tương đương tiền (*)	20.255.000.000	74.841.250.565
	<u>29.580.286.979</u>	<u>86.000.470.207</u>

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 4,0% - 5,6%/năm (2015: từ 4,0% - 5,9%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không nắm giữ khoản tiền và tương đương tiền nào có gốc ngoại tệ.

4 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31.12.2016		31.12.2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	44.000.000.000	44.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng bằng đồng Việt Nam và hưởng lãi suất 5,5% - 5,7%/năm (2015: từ 5,5% - 5,9%/năm).

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Bên thứ ba:		
Khách hàng lẻ	2.611.584.007	2.444.693.258
Khác	-	4.280.396
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	4.426.925.679	580.608.622
	<u>7.038.509.686</u>	<u>3.029.582.276</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán là 2.441.393.258 đồng như đã trình bày tại Thuyết minh số 6.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Số ngày quá hạn Ngày
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.441.393.258	-	(2.441.393.258)	Trên 365 ngày

7 HÀNG TỒN KHO

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Nguyên vật liệu tồn kho	24.879.834.281	16.354.108.064
Công cụ, dụng cụ	387.886.392	439.461.700
	<u>25.267.720.673</u>	<u>16.793.569.764</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, không có khoản dự phòng nào lập cho hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Mẫu số B 09 – DN

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa VND	Máy móc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản có định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	8.683.527.273	196.013.696.101	-	586.417.550	2.660.029.556	207.943.670.480
Mua trong năm	-	6.859.484.900	636.129.091	142.752.000	-	7.638.365.991
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 9)	-	70.804.221.276	-	-	-	70.804.221.276
Thanh lý, nhượng bán	-	(600.938.909)	-	-	-	(600.938.909)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	8.683.527.273	273.076.463.368	636.129.091	729.169.550	2.660.029.556	285.785.318.838
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	(1.302.529.095)	(155.467.226.405)	-	(366.963.729)	(2.551.274.783)	(159.687.994.012)
Khấu hao trong năm	(347.341.092)	(20.877.349.931)	(106.021.512)	(82.393.919)	-	(21.413.106.454)
Thanh lý, nhượng bán	-	570.821.967	-	-	-	570.821.967
Phân loại lại	-	221.168.883	-	(112.414.110)	(108.754.773)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	(1.649.870.187)	(175.552.585.486)	(106.021.512)	(561.771.758)	(2.660.029.556)	(180.530.278.499)
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.380.998.178	40.546.469.696	-	219.453.821	108.754.773	48.255.676.468
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.033.657.086	97.523.877.882	530.107.579	167.397.792	-	105.255.040.339

Nguyên giá của tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 151.880.257.616 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 136.102.528.795 đồng).

9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Mạng cáp đồng trục VTC Quận Thủ Đức	18.682.226.583	-
Nâng cấp và cải tạo mạng truyền hình cáp khu vực Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	6.813.850.338	2.433.444.000
Cải tạo tuyến cáp quang Nam Bình Chánh	6.098.511.086	2.277.456.647
Thi công cải tạo mạng quang và Headend	5.132.285.717	3.844.714.746
Các công trình khác	15.280.787.224	37.625.886.119
	<u>52.007.660.948</u>	<u>46.181.501.512</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	46.181.501.512	3.902.118.158
Tăng trong năm	76.630.380.712	71.229.014.041
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 8)	<u>(70.804.221.276)</u>	<u>(28.949.630.687)</u>
Số dư cuối năm	<u>52.007.660.948</u>	<u>46.181.501.512</u>

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Công cụ, dụng cụ	6.918.502.268	1.790.025.000
Khác	82.808.664	160.770.110
	<u>7.001.310.932</u>	<u>1.950.795.110</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	1.950.795.110	493.984.996
Tăng trong năm	11.151.487.306	3.752.311.618
Phân bổ trong năm	<u>(6.100.971.484)</u>	<u>(2.295.501.504)</u>
Số dư cuối năm	<u>7.001.310.932</u>	<u>1.950.795.110</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Mẫu số B 09 – DN

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Bên thứ ba:		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Truyền thông HTV	9.299.950.725	4.622.964.104
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Công nghệ Thành Nam	9.186.401.200	11.151.003.170
Công ty TNHH Lô Giang	3.625.732.000	-
Khác	9.453.147.914	7.256.907.810
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	242.078.513	-
	<u>31.807.310.352</u>	<u>23.030.875.084</u>

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.922.684.728	6.827.038.182
Thuế thu nhập cá nhân	33.055.289	22.065.705
Thuế giá trị gia tăng	-	823.900.175
	<u>4.955.740.017</u>	<u>7.673.004.062</u>

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Phải nộp trong năm VND	Đã nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.827.038.182	14.922.684.728	(16.827.038.182)	4.922.684.728
Thuế giá trị gia tăng	823.900.175	16.109.209.388	(16.933.109.563)	-
Thuế thu nhập cá nhân	22.065.705	913.725.005	(902.735.421)	33.055.289
Khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
	<u>7.673.004.062</u>	<u>31.949.619.121</u>	<u>(34.666.883.166)</u>	<u>4.955.740.017</u>

13 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện số tiền khách hàng trả trước cho chi phí sử dụng dịch vụ truyền hình cáp từ 3 đến 12 tháng.

14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Bên thứ ba		
Ký quỹ của nhân viên	1.714.400.000	1.964.400.000
Khác	1.365.625.431	1.228.984.098
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	505.051.446	6.371.782.988
	<u>3.585.076.877</u>	<u>9.565.167.086</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có bất kỳ khoản phải trả ngắn hạn khác nào bị quá hạn.

15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký	10.500.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.500.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.500.000	4.200.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2016		31.12.2015	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	5.355.000	51,00	2.142.000	51,00
Bà Phạm Thị Kim Chung	1.365.000	13,00	546.000	13,00
Viet Thanh Cable Investment Limited Company	1.312.500	12,50	525.000	12,50
Ông Phạm Công Tú	1.299.400	12,38	519.760	12,38
Ông Phạm Tiến Hiệp	972.500	9,26	389.000	9,26
Cổ đông khác	195.600	1,86	78.240	1,86
	<u>10.500.000</u>	<u>100</u>	<u>4.200.000</u>	<u>100</u>

15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu thường VND
Tại ngày 1 tháng 1 và 31 tháng 12 năm 2015	4.200.000	42.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	6.300.000	63.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	10.500.000	105.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Mẫu số B 09 – DN

16 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	42.000.000.000	19.717.226.137	80.731.772.671	142.448.998.808
Lợi nhuận trong năm	-	-	93.242.200.427	93.242.200.427
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	44.515.408.287	(44.515.408.287)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.108.949.553)	(2.108.949.553)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(1.140.000.000)	(1.140.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(35.039.836.835)	(35.039.836.835)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	42.000.000.000	64.232.634.424	91.169.778.423	197.402.412.847
Vốn tăng trong năm (*)	63.000.000.000	(63.000.000.000)	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	59.690.738.911	59.690.738.911
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	57.467.430.278	(57.467.430.278)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	(1.067.577.996)	(1.067.577.996)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (**)	-	-	(1.140.000.000)	(1.140.000.000)
Chia cổ tức (Thuyết minh 17) (***)	-	-	(32.634.770.149)	(32.634.770.149)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	105.000.000.000	58.700.064.702	58.550.738.911	222.250.803.613

(*) Ngày 25 tháng 7 năm 2016, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành 6.300.000 cổ phiếu, tương đương với 63.000.000.000 đồng từ nguồn quỹ đầu tư phát triển theo báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(**) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 12 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt việc trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 với số tiền lần lượt là 57.467.430.278 đồng, 2.000.000.000 đồng và 1.140.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã tạm trích 932.422.004 đồng cho quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã trích 1.067.577.996 đồng cho quỹ khen thưởng, phúc lợi.

18 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm 2016 được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2015 cho quỹ khen thưởng, phúc lợi là 2,14%.

(**) Do số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế có chênh lệch so với số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm 2015, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2015		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	93.242.200.427	-	93.242.200.427
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(932.422.004)	(1.067.577.996)	(2.000.000.000)
	<u>92.309.778.423</u>	<u>(1.067.577.996)</u>	<u>91.242.200.427</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>4.200.000</u>	-	<u>4.200.000</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>21.979</u>	<u>(255)</u>	<u>21.724</u>

19 DOANH THU

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu		
Doanh thu dịch vụ truyền hình cáp	69.015.055.442	157.640.984.293
Doanh thu dịch vụ cho thuê tài sản	59.034.833.187	12.751.509.029
Doanh thu dịch vụ internet	14.363.842.566	8.260.967.597
Doanh thu dịch vụ SD, HD, K+	1.808.911.561	706.075.528
Doanh thu bán vật tư	448.310.452	1.297.361.107
Doanh thu hòa mạng	80.991.818	758.426.361
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	15.809.519.180	9.758.536.281
	<u>160.561.464.206</u>	<u>191.173.860.196</u>
Các khoản giảm trừ		
Giảm giá dịch vụ	(600.600.000)	-
Doanh thu thuần	<u>159.960.864.206</u>	<u>191.173.860.196</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Mẫu số B 09 – DN

20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	66.606.155.116	66.550.675.514
Giá vốn hàng bán	6.436.051.546	8.758.917.665
Giá vốn cho thuê tài sản	5.149.787.118	1.839.589.827
	<u>78.191.993.780</u>	<u>77.149.183.006</u>

21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	<u>3.867.646.690</u>	<u>6.079.622.332</u>

22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.117.640.466	5.556.878.190
Chi phí thuê văn phòng	2.195.999.846	2.675.053.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	760.612.405	895.552.492
Chi phí khác	3.124.714.415	4.372.881.826
	<u>10.198.967.132</u>	<u>13.500.366.439</u>

23 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% (2015: 22%) như sau:

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	74.613.423.639	119.541.282.598
Thuế tính ở thuế suất 20% (2015: 22%)	14.922.684.728	26.299.082.171
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	14.922.684.728	26.299.082.171
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	14.922.684.728	23.327.038.182
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	-	2.972.043.989
	14.922.684.728	26.299.082.171

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

24 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.018.970.984	9.649.048.164
Chi phí nhân công	34.691.636.581	34.136.171.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.413.106.454	15.689.021.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.653.269.997	29.253.254.162
Các chi phí khác bằng tiền	2.939.153.065	3.075.674.134
	89.716.137.081	91.803.169.438

25 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận cả theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là ngành viễn thông và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam do nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2016 VND	2015 VND
i) Doanh thu cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ		
Công ty mẹ	85.417.011.843	19.078.510.425
ii) Chi phí thuê văn phòng		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thái Việt – công ty được sở hữu bởi một cổ đông	1.943.046.240	2.006.542.796
Ông Phạm Tiến Hiệp – cổ đông	336.000.000	336.000.000
Bà Phạm Thị Kim Chung – cổ đông	192.000.000	192.000.000
	<u>2.471.046.240</u>	<u>2.534.542.796</u>
iii) Các giao dịch khác với Công ty mẹ		
Mua vật tư	7.002.272.728	
Mượn nguyên vật liệu	6.344.570.468	-
Phí dịch vụ	4.203.372.763	-
Chi phí vật tư lắp đặt	3.952.783.399	-
Chi phí thuê thiết bị	2.689.218.000	-
Dịch vụ quản lý công tác tài chính, kỹ thuật	512.727.276	552.000.000
Phí bản quyền	-	2.002.000.000
	<u>24.704.944.634</u>	<u>2.554.000.000</u>
iv) Cổ tức đã trả (Thuyết minh 17)		
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam Viet Thanh Cable Investment Limited Company	16.643.732.776	17.870.316.786
Ông Phạm Công Tú	4.079.250.000	4.380.075.000
Bà Phạm Thị Kim Chung	4.038.535.200	4.336.357.680
Ông Phạm Tiến Hiệp	4.242.420.000	4.555.278.000
Cổ đông khác	3.022.530.000	3.245.427.000
	608.302.173	652.382.369
	<u>32.634.770.149</u>	<u>35.039.836.835</u>
v) Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và lương và thưởng của Ban Giám đốc		
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.140.000.000	1.140.000.000
Lương và thưởng của Ban Giám đốc	648.162.148	762.146.134

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Mẫu số B 09 – DN

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
i) Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty mẹ	4.426.925.679	514.608.622
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thái Việt – một công ty được sở hữu bởi một cổ đông	-	66.000.000
	<u>4.426.925.679</u>	<u>580.608.622</u>
ii) Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty mẹ	-	1.116.883.222
	<u>-</u>	<u>1.116.883.222</u>
iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)		
Công ty mẹ	242.078.513	-
	<u>242.078.513</u>	<u>-</u>
iv) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 14)		
Công ty mẹ	505.051.446	6.371.782.988
	<u>505.051.446</u>	<u>6.371.782.988</u>
v) Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty mẹ	2.310.416.562	-
	<u>2.310.416.562</u>	<u>-</u>

27 GIAO DỊCH TRỌNG YẾU KHÔNG SỬ DỤNG TIỀN MẶT

	2016 VND	2015 VND
Phát hành cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển	63.000.000.000	-
	<u>63.000.000.000</u>	<u>-</u>



28 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty sẽ trả mức tối thiểu trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Năm đầu tiên	2.734.734.394	4.585.369.728
Bốn năm tiếp theo	4.434.308.019	6.886.185.042
Từ năm thứ sáu đến năm thứ chín	1.131.300.000	2.396.946.267
Tổng thanh toán tối thiểu	8.300.342.413	13.868.501.037

29 CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty sẽ được hưởng mức cho thuê tối thiểu trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Năm đầu tiên	46.620.000.000	-
Bốn năm tiếp theo	186.480.000.000	-
Từ năm thứ sáu đến năm thứ chín	186.480.000.000	-
Tổng thanh toán nhận được tối thiểu	419.580.000.000	-

30 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay.

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 27 tháng 3 năm 2017.



Nguyễn Thị Nguyệt
Người lập



Lê Hồng Chi
Kế toán trưởng




Phạm Tiến Hiệp
Giám đốc